TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số: 345/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2017
V/v tranh chấp ***" Xin ly hôn "***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ TRẦN XUÂN VĂN

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông ĐINH VĂN TÙNG
2) Bà LÊ THỊ VÂN

T ký phiên tòa: Bà TRẦN THỊ KIM THÚY - T ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: ông TRẦN VĂN TRUYỀN– Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017, về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LÊ HỒNG Đ, sinh năm: 1983 (*có mặt)*

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh NGUYỄN PHI H, sinh năm: 1980 (*vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Hồng Đ trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, chị và anh H quyết định tiến tới hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng kể từ năm 2016 đến nay, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Chị Đ đã nhiều lần khuyên nhủ, tạo cơ hội hàn gắn nhưng anh H không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Phi C, sinh ngày 13/9/2005 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/3/2008 hiện chị Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh H đã được triệu tập hợp lệ để xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

***** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký Tòa án, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng:

+ Về hôn nhân: cho chị Đ ly hôn với anh H;

+ Về con chung: giao chị Đ nuôi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con;

+ Về tài sản chung: không có;

+ Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Lê Hồng Đ và anh Nguyễn Phi H là quan hệ tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Tại phiên tòa, chị Lê Hồng Đ giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Anh Nguyễn Phi H đã được triệu tập hợp lệ để xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt. Xét thấy, mặc dù hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 ngày 22/11/2004 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, hiện tại cuộc sống hôn nhân của anh, chị đã không còn hạnh phúc. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 01/2016 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được. Phía anh H từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đã không đến dự theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn mà chị Đ đưa ra. Điều này chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn đối với cuộc hôn nhân này. Tại phiên tòa, chị Đ khẳng định không còn tình cảm với anh H, không mong muốn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Đ và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Phi C, sinh ngày 13/9/2005 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/3/2008. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được quyền nuôi con chung. Xét thấy, hiện tại cháu Phi C và cháu Anh T đang sống cùng chị Đ, cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt. Theo biên bản xác nhận ngày 28/6/2017 của chính quyền địa phương ấp H, xã N thì chị Đ có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc 02 con chung. Đối với anh H, chính quyền địa phương không xác định được công việc cụ thể. Nguyện vọng của các con chung cũng muốn chung sống cùng chị Đ. Do đó, để đảm bảo ổn định cho các cháu về sức khỏe, học hành và các quyền lợi khác của con chung. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao 02 cháu Nguyễn Phi C, và Nguyễn Anh T cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: không có.

[5] Nợ chung: không có.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Đ phải chịu án phí HNST

[7] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng các Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Hồng Đ;

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Hồng Đ ly hôn với anh Nguyễn Phi H;

2. Về con chung: giao 02 con chung tên Nguyễn Phi C, sinh ngày 13/9/2005 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 12/3/2008 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu;

Anh H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: không có

4. Về nợ chung: không có

5. Về án phí: chị Lê Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14492 ngày 06/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

6. Chị Lê Hồng Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Anh Nguyễn Phi H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể tự ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tai các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- CCTHA DS huyện C;
- UBND xã T, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Trần Xuân Văn